

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/HS-ST

Ngày: 29-6-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH D

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hà Vân Hồng

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Păng Ting Nock

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh D.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2023/HSST ngày 30/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 16/2023/TB-HS ngày 20/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn N**, tên gọi khác: không; sinh ngày 10/9/1978, tại: Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Nơi ở hiện tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan C, sinh năm 1950, con bà Phan Thị H, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Đăng Thúy N và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**Đại diện hợp pháp của bị hại:**

- Anh Trần Công T, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ dân phố A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Khổng Minh P, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1953. Trú tại: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn T có phần đất sản xuất nông nghiệp tại thửa số 20, 21 tờ bản đồ số 25, Phường B, thành phố C, thửa đất này có một phần giáp với đường đi chung và thấp hơn mặt đường khoảng 04 mét, từ đường đi chung ông T có mở một đường đất rộng khoảng 03 mét với bờ ta luy bằng đất, để đi xuống vườn. Phía dưới cách bờ ta luy khoảng 02 mét, ông T có làm một nhà gỗ mái tôn để nghỉ khi vào làm vườn và chứa vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngày 10 tháng 9 năm 2021, ông T, bà V ký văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất trên cho anh Trần Công T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D, theo hợp đồng ông T, bà V phải làm đường bê tông rộng 04 mét, dài 25 mét đi xuống vườn. Sau khi ký hợp đồng với anh Th thì ông T thuê Phan Văn N (con rể ông Th) là giám đốc công ty TNHH thiết kế xây dựng HN thực hiện xây dựng kè chắn đất (ta luy) dọc theo đường đất đi xuống vườn cũ để mở rộng đường này thành đường bê tông 04 mét với số tiền 100.000.000 đồng. Giữa ông T và N chỉ thỏa thuận miệng, ông T giao khoán toàn bộ cho N trong đó có việc N thuê đơn vị tiến hành khảo sát, thiết kế và đi xin giấy phép xây dựng cho ông T. Sau khi thỏa thuận với ông T, N không thuê đơn vị nào tiến hành khảo sát thiết kế mà tự ước lượng để tiến hành thi công. Ngày 16/9/2021, Phan Văn N thuê 04 công nhân và tiến hành chỉ đạo xây dựng bờ kè chắn đất dài khoảng 20 mét, cao khoảng 2,5 mét có kết cấu móng trụ bằng bê tông cốt thép, tường xây bằng đá chẻ. Đến ngày 20/9/2021, công trình xây dựng trên hoàn thành, ngày 27/9/2021, N cho đổ khoảng 30m<sup>3</sup> đất vào giữa bờ ta luy và đường đi chung, sau khi đổ đất xong N cho thợ ngừng thi công và không để lại người để trông coi bảo vệ công trình. Quá trình thi công N không thực hiện các biện pháp an toàn để đảm bảo an toàn cho những người thi công tại công trình, không xây dựng hệ thống thoát nước để hạn chế nước chảy vào công trình và không có biện pháp đảm bảo an toàn chống sập đổ cho công trình và công trình liền kề.

Sáng ngày 29/9/2021, chị Nguyễn Thị Trang Đ (vợ anh Trần Công T) cùng bạn là chị Trần Thị Bích H, anh Không Minh P và anh Nguyễn Văn C đi vào thửa đất mà N đang xây dựng kê chắn đất để thăm đất, do trời mưa nên chị Đ, chị H, anh P và anh C cùng đi vào căn nhà gỗ trên thửa đất để trú mưa. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, do trời mưa to nên bờ kê chắn đất do Phan Văn N mới xây dựng đổ sập xuống nhà gỗ và vùi lấp chị Đ, chị H, anh P và anh C. Hậu quả, chị Đ, chị H tử vong tại chỗ, anh P và anh C bị thương phải đi cấp cứu.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã có văn bản gửi các cơ quan quản lý xây dựng trả lời về nguyên nhân, lỗi dẫn tới vụ việc trên. Cụ thể:

- Ngày 15/11/2021, Phòng quản lý đô thị Ủy ban nhân dân thành phố C đã có công văn số 1437, xác định: *Việc xây dựng kê chắn đất của ông Nguyễn T Phường B, thành phố C, tỉnh D phải được cấp phép xây dựng và tại thửa số 20; 21, tờ bản đồ số 25, Phường B, thành phố C, tỉnh D chưa được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. Nguyên nhân dẫn đến việc sạt lở và sập bờ ta luy trên là do: Chủ đầu tư đơn vị thi công không liên hệ với các cơ quan chức năng để được cấp phép xây dựng theo quy định; chưa cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc liên hệ đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân để thiết lập hồ sơ thiết kế và thẩm tra kê chắn đất, chưa cung cấp hồ sơ khảo sát, đánh giá nền đất hiện trạng nên đã dẫn đến việc thiếu sót trách nhiệm của chủ đầu tư và đơn vị thi công trong hoạt động xây dựng.*

- Ngày 04 tháng 05 năm 2022, Phòng Quản Lý Đô Thị thành phố C có công văn số 714/BC-QLĐT xác định: *việc đơn vị thi công, không có phương án, không thi công hệ thống thoát nước để hạn chế nước chảy vào hố móng công trình là nguyên nhân gây tai nạn trên; Quá trình thi công công trình đơn vị thi công không có các biện pháp Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng, người, thiết bị thi công, công trình ngầm và các công trình liền kề; không có biện pháp cần thiết hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố gây mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng như quy định khoản 2, điều 111 Luật xây dựng số 50/2014/QH13; Chủ đầu tư hộ ông Nguyễn T đã có hành vi xây dựng công trình nhưng không có giấy phép xây dựng của các cơ quan có thẩm quyền; Đơn vị thi công (ông Phan Văn N – Giám đốc Công ty TNHH thiết kế xây dựng HN) đã tự ý thi công hạng mục đắp đất giữa phần kê và đường đi chung để làm nối tiếp cận công trình, không có phương án thi công hệ thống thoát nước mặt để hạn chế nước chảy vào hố móng công trình, chưa có phương án giằng, chống kê chắn đất, để đảm bảo an toàn cho người và các công trình liền kề.*

- Ngày 20/01/2022, đoàn Điều tra tai nạn lao động thuộc Sở Lao Động – Thương binh và Xã hội tỉnh D có văn bản số: 03/TNLD trả lời:

Về Nguyên nhân: *Căn cứ Điểm 2.2.1.2 QCVN 18: 2014/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số: 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ Xây dựng quy định: “Trên mặt bằng công trường và các khu vực thi công phải có hệ thống thoát nước đảm bảo mặt bằng thi công khô ráo, sạch sẽ. Không được để đọng nước trên mặt đường hoặc để nước chảy vào hố móng công trình. Những công trường ở gần biển, sông, suối phải có phương án phòng chống lũ lụt, sạt lở đất. Thi: Hành vi không thi công hệ thống thoát nước để hạn chế nước chảy vào hố móng công trình là nguyên nhân gây ra vụ tai nạn nói trên.*

Về Lỗi: *Căn cứ Điều 111 khoản 2 Luật Xây dựng năm 2014 quy định “2. Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng, người, thiết bị thi công, công trình ngầm và các công trình liên kề; có biện pháp cần thiết hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố gây mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng.”* thì ông Phan Văn N - Giám đốc Công ty TNHH Thiết kế xây dựng HN là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của bà Trần Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Trang Đ.

#### **Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Trang Đ, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D, bị chết. Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 261/2021-TT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh D, kết luận: Nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị Trang Đ là chấn thương ngực kín.

Quá trình điều tra bị cáo Phan Văn N đã bồi thường cho anh Trần Công T (là chồng chị Đ) số tiền 900.000.000 đồng cho anh T (trong đó 200.000.000 đồng là chi phí mai táng và 700.000.000 đồng trả lại tiền chị Đ mua đất của ông T). Tại phiên tòa anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

2. Chị Trần Thị Bích H, sinh năm: 2002, nơi cư trú: TDP A, Phường B, thành phố C, tỉnh D, bị chết. Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 260/2021-TT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh D, kết luận: Nguyên nhân chết của chị Trần Thị Bích H là đa chấn thương.

Quá trình điều tra bị cáo Phan Văn N đã bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho bà Phạm Thị T (là mẹ chị H). Tại phiên tòa bà T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

#### **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 150/2021-TgT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh D kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân

Khổng Minh P là **38%**. Tổn thương do vật tày tác động (vùi lấp). Sau khi sự việc xảy ra bị can Phan Văn N đã chủ động thăm hỏi và bồi thường cho anh P số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Anh P không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

2. Tại bản kết luận giám định pháp y về thung tích số: 360/2021-TgT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh D kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn C: **09%**. Tổn thương do vật tày tác động (vùi lấp). Sau khi sự việc xảy ra bị can Phan Văn N đã chủ động thăm hỏi và bồi thường cho anh C số tiền 12.000.000 đồng. Anh C không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Phan Văn N.

3. Đối với ông Nguyễn T là chủ đầu tư của công trình. Quá trình điều tra xác định, trước khi thi công công trình thì ông T đã giao khoán toàn bộ việc thuê đơn vị khảo sát, thiết kế, thi công công trình cho Phan Văn N. Sau đó Phan Văn N không thực hiện việc khảo sát, thiết kế đã tự tính toán, ước lượng và cho người thi công, quá trình thi công không thực hiện các biện pháp an toàn, không thi công hệ thống thoát nước để hạn chế nước chảy vào công trình là nguyên nhân chính dẫn đến sự cố sập vò kè chắn đất gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C không xử lý hình sự đối với ông T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo Phan Văn N về tội “*vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 298 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, giữ nguyên bản cáo trạng truy tố Phan Văn N về tội “*vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 298 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 298, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xin cho bị cáo có cơ hội ở ngoài để chăm sóc vợ con, gia đình.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại xin cho bị cáo mức án nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố C, tỉnh D và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh D và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

Vào ngày 16/9/2021, Phan Văn N là giám đốc công ty TNHH thiết kế xây dựng HN đã thi công công trình xây dựng kè chắn đất tại thửa số 20, 21 tờ bản đồ số 25, Phường B, thành phố C, tỉnh D. Quá trình xây dựng N đã không thi công hệ thống thoát nước để hạn chế nước chảy vào hố móng công trình dẫn đến sự cố sập bờ kè chắn đất vi phạm điểm 2.2.1.2 QCVN 18: 2014/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số: 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ Xây dựng, không có các biện pháp bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng, người, thiết bị thi công, công trình ngầm và các công trình liên kề, không có biện pháp cần thiết hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố gây mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng, vi phạm khoản 2 Điều 111 Luật Xây dựng năm 2014 dẫn đến việc kè chắn đất do N xây dựng bị sập làm chị Nguyễn Thị Trang Đ và Trần Thị Bích H chết.

Xét lời khai nhận của bị cáo và lời khai của đại diện bị hại tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, đại diện bị hại người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phan Văn N phạm tội “*vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 298 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- *Tình tiết tăng nặng*: Không có

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại xảy ra, đại diện hợp pháp của bị hại xin cho bị cáo mức án

nhẹ và xin cho bị cáo hưởng án treo nên áp dụng cho bị cáo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt*: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Xử phạt bị cáo Phan Văn N về tội “*vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 298 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án (29/6/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh D giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh D xét xử phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh D;
- VKSND thành phố C;
- Công an thành phố C;
- THA thành phố C;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Những người tham gia tổ tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu

**Hà Văn Hồng**